|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐIỆN BIÊN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 32/QĐ-UBND |  | *Điện Biên, ngày 07 tháng 01 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần**

**năm 2021 (tính đến hết ngày 31/12/2021)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 13/TTr-STP ngày 05 tháng 01 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2021 *(Có danh mục kèm theo)*.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Lê Thành Đô** |

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2021 (TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2021)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

| **STT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết**  **hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nghị quyết | Số 163/2009/NQ-HĐND  ngày 14/7/2009 | Điều chỉnh thời gian và mức trợ cấp nuôi dưỡng, sinh hoạt phí cho đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội | Được thay thế bằng Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 01/9/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 246/2011/NQ-HĐND  ngày 25/7/2011 | Ban hành một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ | Được thay thế bằng Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với Thôn đội trưởng, mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 01/9/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 20/2016/NQ-HĐND  ngày 04/8/2016 | Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức học phí năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 20/12/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 33/2016/NQ-HĐND  ngày 10/12/2016 | Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIV nhiệm kỳ 2016 – 2021 | Được thay thế bằng Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, nhiệm kỳ 2021 – 2026 | 31/8/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 34/2016/NQ-HĐND  ngày 14/10/2016 | Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 | Được thay thế bằng Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên | 20/12/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 35/2016/NQ-HĐND  ngày 14/10/2016 | Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 | Được thay thế bằng Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Điện Biên | 20/12/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 56/2017/NQ-HĐND  ngày 13/7/2017 | Quy định chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động của tỉnh Điện Biên đi sơ tuyển đi làm việc có tổ chức tại các doanh nghiệp khu công nghiệp ngoài tỉnh | Được thay thế bằng Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động của tỉnh Điện Biên đi sơ tuyển, đi làm việc có tổ chức tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh | 20/12/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 10/2019/NQ-HĐND  ngày 10/7/2019 | Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 | 08/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 14/2010/QĐ-UBND  ngày 04/8/2010 | Ban hành quy định về cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ đầu tư kiên cố kênh loại 3 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định 22/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên bãi bỏ Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ đầu tư kiên cố kênh loại 3 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 02/11/2021 |
|  | Quyết định | Số 10/2012/QĐ-UBND  ngày 21/5/2012 | Ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biênban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 29/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 04/2013/QĐ-UBND  ngày 16/4/2013 | Ban hành quy định về sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên về sử dụng, quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 10/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 11/2013/QĐ-UBND  ngày 19/7/2013 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biênban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 29/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 16/2014/QĐ-UBND  ngày 15/7/2014 | Về việc ban hành Quy chế về quản lý hoạt động an toàn và kiểm soát bức xạ trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Bãi bỏ Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế về quản lý hoạt động an toàn và kiểm soát bức xạ trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 30/6/2021 |
|  | Quyết định | Số 03/2016/QĐ-UBND  ngày 28/3/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND (ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 08/5/2021 |
|  | Quyết định | Số 16/2016/QĐ-UBND  ngày 17/8/2016 | Ban hành Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân; chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 10/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 21/2016/QĐ-UBND  ngày 29/8/2016 | Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021 | Được thay thế bằng Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2021 - 2026 | 16/8/2021 |
|  | Quyết định | Số 24/2016/QĐ-UBND  ngày 11/11/2016 | Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 19/02/2021 |
|  | Quyết định | Số 27/2016/QĐ-UBND  ngày 10/12/2016 | Về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 | Được thay thế bằng Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, tỉnh Điện Biên | 19/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 28/2016/QĐ-UBND  ngày 10/12/2016 | Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 | Được thay thế bằng Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Điện Biên | 01/01/2022 |
|  | Quyết định | Số 05/2017/QĐ-UBND  ngày 24/3/2017 | Ban hành Quy định về phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 17/11/2021 |
|  | Quyết định | Số 09/2017/QĐ-UBND  ngày 25/4/2017 | Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 10/01/2022 |
|  | Quyết định | Số 13/2018/QĐ-UBND  ngày 26/3/2018 | Ban hành Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên | 10/8/2021 |
|  | Quyết định | Số 26/2018/QĐ-UBND  ngày 21/5/2018 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định 02/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biênban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 29/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 30/2018/QĐ-UBND  ngày 10/7/2018 | Ban hành Quy chế quản lý công tác cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định 12/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biênban hành Quy chế quản lý chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | 28/6/2021 |
|  | Quyết định | Số 41/2018/QĐ-UBND  ngày 02/11/2018 | Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 25/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 13/2019/QĐ-UBND  ngày 18/4/2019 | Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biênban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 14/5/2021 |
|  | Quyết định | Số 52/2019/QĐ-UBND  ngày 31/12/2019 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2020 | Được thay thế bằng Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 10/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 08/2020/QĐ-UBND  ngày 04/6/2020 | Về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | 12/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 34/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên | Được thay thế bằng Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2022 | 01/01/2022 |

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2021 (TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2021)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

| **STT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định**  **hết hiệu lực một phần** | **Lý do hết hiệu lực một phần** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghị quyết | Số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên. | Bãi bỏ khoản 1 Điều 7 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Điện Biên. | 20/12/2021 |
| 2 | Quyết định | Số 35/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy chế thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên | - Bỏ cụm từ “chế độ, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính” tại Điều 1;  - Bãi bỏ Chương VI;  - Thay thế cụm từ “Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp” bằng cụm từ “Hệ thống phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia" tại khoản d Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 19.  3. Thay thế Phụ lục I. | Được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND Sửa đổi một số Điều của Quy chế thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. | 28/6/2021 |
| 3 | Quyết định | Số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Bảng giá đất và Quy định áp dụng Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. | a) Phụ lục 1  - Bãi bỏ tên đường và giá đất tại STT 8 phần III mục 1.2 huyện Điện Biên Đông phụ lục 1 – bảng giá đất ở đô thị;  - Bãi bỏ tên đường và giá đất (do đoạn đường này bị trùng tên đường) tại STT 8 phần I mục 1.4 huyện Tuần Giáo phụ lục 1 – bảng giá đất ở đô thị;  b) Phụ lục 2  - Huỷ bỏ tên đường và giá đất các xã Pá Khoang, Mường Phăng, Nà Nhạn, Nà Tấu do sáp nhập vào thành phố Điện Biên Phủ từ STT 3, 4, 5, 6 phần III mục 2.2 huyện Điện Biên, phụ lục 2 – bảng giá đất ở nông thôn.  - Huỷ bỏ tên đường và giá đất do sáp nhập vào thị trấn Tủa Chùa gồm: đoạn 1, 2, 3, 4, 7, 8 và các đoạn đường còn lại trong khu tái định cư Huổi Lực STT 1 mục 2.9 huyện Tủa Chùa, phụ lục 2 – bảng giá đất ở nông thôn. | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Bảng giá đất và Quy định áp dụng Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. | 01/01/2021 |